

Đồng Xoài, ngày 30 tháng 12 năm 2005

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh
(ban hành kèm theo Quyết định số: 164.../2005/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)**

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này được áp dụng trong quá trình tổ chức thực hiện việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh:

Mọi tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước đều phải thực hiện theo quy định này, bao gồm:

- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet;
- Đại lý Internet;
- Người sử dụng dịch vụ Internet.

Điều 3. Giải thích các từ ngữ:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:
 - + Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP): là doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng khả năng truy nhập đến Internet;
 - + Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): là doanh nghiệp cung cấp cho các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khả năng kết nối với nhau và với Internet quốc tế;
 - + Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (OSP): là doanh nghiệp sử dụng Internet để cung cấp cho người sử dụng các ứng dụng hoặc dịch vụ bao gồm: bưu chính, viễn thông, thông tin, thương mại, ngân hàng...
- Đại lý Internet: là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân danh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập, dịch vụ ứng dụng Internet, cung cấp các dịch vụ truy nhập, dịch vụ ứng dụng Internet cho người sử dụng thông qua hợp đồng đại lý và hưởng thù lao.
- Người sử dụng dịch vụ Internet: là các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, sử dụng dịch vụ ứng dụng Internet.

Điều 4. Việc phát triển Internet ở Bình Phước được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Năng lực quản lý phải theo kịp với yêu cầu phát triển, đồng thời phải có biện pháp đồng bộ để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

2. Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước đảm bảo theo quy định của Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tinh nhà.

Điều 5. Ưu tiên vốn đầu tư và có cơ chế hỗ trợ tài chính đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển công nghiệp phần mềm và các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Điều 6. Internet là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, được bảo vệ theo pháp luật Việt Nam, không ai được xâm phạm. Đảm bảo an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân.

Điều 7.

1. Thông tin đưa vào lưu trữ, truyền đi và nhận đến trên Internet phải tuân thủ các quy định tương ứng của Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Pháp lệnh Bảo vệ Bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet.

2. Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet phải chịu trách nhiệm về những nội dung thông tin do mình đưa vào lưu trữ, truyền đi trên Internet.

Điều 8.

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn người sử dụng dịch vụ Internet trong việc khai thác, sử dụng các thông tin trên Internet theo đúng pháp luật, đồng thời ngăn chặn các hành vi nêu tại Điều 11 của Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng Internet có trách nhiệm tuân thủ pháp luật về Internet để khai thác, sử dụng Internet một cách có hiệu quả và lành mạnh.

Điều 9. Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo pháp luật.

Điều 10. Không ai được ngăn cản quyền sử dụng hợp pháp các dịch vụ Internet. Đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có quyền từ chối cung cấp dịch vụ nếu tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ vi phạm pháp luật về Internet.

Điều 11. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị và cản trở việc cung cấp, sử dụng các dịch vụ Internet.

2. Gửi, lan truyền, phát tán vi rút tin học, chương trình phần mềm có tính năng đánh cắp để phá hủy dữ liệu hoặc sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã, thông tin riêng trên Internet của các tổ chức, cá nhân.

3. Lợi dụng Internet để chống lại Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; gây rối an ninh, trật tự, xâm hại đến lợi ích của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục và các vi phạm pháp luật khác.

4. Lưu giữ trên máy tính kết nối Internet tin, tài liệu, số liệu thuộc bí mật Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qui định.

5. Sử dụng hoặc hướng dẫn người khác sử dụng công cụ hỗ trợ để truy cập vào các trang thông tin trên Internet (trang Web) do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấm truy cập.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ INTERNET

Điều 12. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về Internet trong phạm vi toàn tỉnh. Các sở, ban ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Internet theo phân công của UBND tỉnh quy định tại quy định này.

Điều 13. Sở Bưu chính, Viễn thông:

1. Là cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Có trách nhiệm điều hòa, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về Internet và làm đầu mối trong hoạt động quốc tế về Internet trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển Internet trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như phù hợp với chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển Internet quốc gia.

3. Phối hợp với các ngành có liên quan để thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, các đại lý Internet đóng trên địa bàn tỉnh, được quyền yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cắt số điện thoại hoặc đường truyền viễn thông dùng để truy nhập Internet của đại lý hoặc người sử dụng Internet khi phát hiện vi phạm.

4. Trình UBND tỉnh các giải pháp cụ thể để triển khai các hoạt động công ích về Internet trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra thực hiện sau khi được phê duyệt.

5. Phối hợp các sở, ban ngành tỉnh để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức và phổ cập kiến thức về Internet trong nhân dân.

6. Thực hiện tổng hợp thông tin báo cáo định kỳ 06 tháng 01 lần và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo, đề xuất với Bộ Bưu chính, Viễn thông hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh những biện pháp quản lý phù hợp với tình hình phát triển Internet trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Công an tỉnh:

Công an tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với việc bảo đảm an ninh trong hoạt động Internet, bao gồm:

1. Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an xử lý thông tin nghiệp vụ về Internet trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động Internet theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về biện pháp đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin trên Internet.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet triển khai thực hiện công tác bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động Internet theo đúng quy định hiện hành.

4. Hướng dẫn các chủ thể cung cấp dịch vụ Internet thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy tại các điểm cung cấp dịch vụ Internet công cộng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Chỉ đạo công an huyện, thị xã về phối hợp thực hiện công tác quản lý trong hoạt động Internet tại địa phương.

6. Hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý trong hoạt động Internet, kịp thời thanh tra, kiểm tra phát hiện các hành vi vi phạm trong hoạt động Internet để xử lý theo thẩm quyền.

Điều 15. Sở Văn hóa-Thông tin:

1. Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về nội dung thông tin trong hoạt động Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra trong hoạt động Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo thẩm quyền.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tuyên truyền trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng những quy định của pháp luật về Internet và kiến thức chuyên môn về Internet nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân đối với việc khai thác thông tin lành mạnh, phòng tránh những thông tin độc hại trên Internet.

4. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp để xử lý ngăn chặn thông tin có nội dung vi phạm pháp luật về văn hóa - thông tin trên Internet.

Điều 16. Sở Tài chính:

Có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành liên quan trong việc xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet cho các đối tượng ưu tiên được quy định tại Điều 5 của Quy định này để trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 17. Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã:

1. Tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước trong hoạt động Internet tại địa phương theo thẩm quyền.

2. Hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động Internet tại địa phương.

3. Cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đại lý Internet theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:

1. Tuân thủ các quy định chung tại quy định này, đồng thời chấp hành các quy định của pháp luật về việc bảo đảm quyền lợi của khách hàng sử dụng dịch vụ Internet.

2. Có trách nhiệm kiểm tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm của các đại lý và người sử dụng Internet. Trong quá trình kiểm tra, giám sát đại lý và người sử dụng Internet, nếu ngừng cung cấp dịch vụ và chấm dứt hợp đồng thì doanh nghiệp lập biên bản đồng thời thông báo cho Sở Bưu chính, Viễn thông (bằng văn bản) biết việc vi phạm pháp luật của đại lý.

3. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để cắt số điện thoại hoặc đường truyền viễn thông dùng để truy nhập Internet của đại lý Internet hoặc của người sử dụng Internet khi có yêu cầu của Sở Bưu chính, Viễn thông.

4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị và thông tin trên Internet; có chương trình và các trang thiết bị quản lý tập trung đặt tại doanh nghiệp nhằm cung cấp dữ liệu về người sử dụng đồng thời ngăn chặn việc truy cập đến các trang thông tin trên Internet có nội dung: chống lại Nhà nước; gây rối an ninh trật tự; vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; hỗ trợ hoạt động kinh doanh lậu dịch vụ bưu chính, viễn thông.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các đại lý Internet:

a. Chỉ được ký hợp đồng và cung cấp dịch vụ cho đại lý Internet khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện ghi tại Điều 19 của Quy định này.

b. Xây dựng và ban hành Quy định quản lý đại lý Internet; Hợp đồng đại lý mẫu và Nội quy sử dụng dịch vụ Internet để thống nhất sử dụng trong doanh nghiệp. Quy định đại lý Internet, Nội quy sử dụng dịch vụ Internet và Hợp đồng đại lý mẫu phải được gửi cho Sở Bưu chính, Viễn thông để theo dõi.

c. Cung cấp và phối hợp với đại lý trong việc cài đặt phần mềm quản lý đại lý Internet.

d. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng với đại lý Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet phải tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các đại lý Internet đã ký hợp đồng đại lý với mình về các quy định quản lý đối với dịch vụ Internet, các quy định về an toàn an ninh thông tin, các giải pháp kỹ thuật phù hợp để đại lý thực hiện tốt nhiệm vụ hướng dẫn khách hàng sử dụng dịch vụ vào những mục đích lành mạnh, phát hiện, ngăn chặn kịp thời những khách hàng có hành vi vi phạm quy định của Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, Thông tư số 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHĐT ngày 14/07/2005 về quản lý đại lý Internet và Quy định này.

Điều 19. Quyền của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:

1. Được thiết lập hệ thống thiết bị tại cơ sở và các điểm phục vụ công cộng để cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ Internet cho người sử dụng dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo đúng giấy phép hoặc các điều kiện kinh doanh, điều kiện hoạt động, trừ các dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ Internet bị cấm hoặc chưa được phép cung cấp theo quy định của pháp luật.

2. Được ký hợp đồng và cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet cho các tổ chức, cá nhân thỏa mãn các điều kiện quy định.

3. Ngừng cung cấp dịch vụ và chấm dứt hợp đồng đối với đại lý và người sử dụng Internet theo các điều khoản của hợp đồng hoặc khi phát hiện chủ đại lý tạo điều kiện, cố tình bao che hoặc người sử dụng thực hiện các hành vi ăn cắp mật khẩu, tài khoản truy nhập, phát tán vi rút, truy cập đến các trang tin điện tử hoặc tuyên truyền, phát tán các tài liệu có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, vi phạm thuần phong mỹ tục, vi phạm an ninh quốc gia.

Chương IV

**ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA ĐẠI LÝ INTERNET**

Điều 20. Điều kiện hoạt động kinh doanh của đại lý Internet:

1. Địa điểm hoạt động kinh doanh của đại lý bảo đảm các tiêu chuẩn:

a. Có trang bị các phương tiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

b. Tất cả các màn hình máy tính, thiết bị nghe nhìn làm dịch vụ phải bố trí lắp đặt đảm bảo cho người quản lý có khả năng quan sát dễ dàng.

c. Có biện pháp bảo vệ môi trường, vệ sinh, âm thanh, ánh sáng và các điều kiện khác để bảo vệ an toàn và sức khỏe cho người sử dụng dịch vụ.

2. Có giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký tại UBND các huyện, thị xã theo qui định của pháp luật.

3. Chủ đại lý phải có trình độ tin học đạt chứng chỉ A trở lên và phải nắm vững các quy định của Nhà nước về Internet. Trong trường hợp chủ đại lý không có chứng chỉ thì phải thuê nhân viên có trình độ tin học đạt chứng chỉ từ trình độ A trở lên. Chủ đại lý hoặc nhân viên đạt chứng chỉ A trở lên phải có mặt thường xuyên trong thời gian đại lý hoạt động, để thực hiện việc hướng dẫn và kiểm tra người sử dụng tuân thủ các quy định về sử dụng dịch vụ tại đại lý Internet.

Nếu các địa điểm kinh doanh đại lý Internet được bố trí thành nhiều phòng riêng biệt, độc lập với nhau thì chủ đại lý phải bố trí nhân viên hướng dẫn và kiểm tra riêng cho từng phòng (01 nhân viên phụ trách 01 phòng).

4. Có bảng nội quy sử dụng dịch vụ Internet đảm bảo các yêu cầu như sau:

a. Có kích thước đủ lớn và đặt tại vị trí thuận lợi để người sử dụng dễ dàng đọc được nội dung.

b. Ghi đầy đủ, rõ ràng:

- Thời gian hoạt động; giá cước sử dụng các dịch vụ truy nhập Internet, ứng dụng Internet.

- Các nội dung cấm được ghi tại điều 11 của quy định này.

- Các quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ Internet tại điểm 2,3,4 ở Điều 21, điểm 1 đến 11 ở Điều 22 của quy định này.

5. Ký kết hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

6. Đầu tư hệ thống trang thiết bị máy chủ quản lý tập trung để thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn thiết bị, an ninh thông tin tương xứng với qui mô kinh doanh của đại lý. Trang bị phần mềm quản lý đại lý Internet do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet ký hợp đồng đại lý cung cấp.

7. Có sơ đồ hệ thống máy tính sử dụng tại đại lý Internet trong đó các máy tính được đánh số thứ tự theo vị trí của từng máy.

8. Có sổ tập hợp các qui định của Nhà nước về quản lý, sử dụng dịch vụ Internet cho người sử dụng tham khảo và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ tuân thủ các qui định này khi người sử dụng yêu cầu.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của đại lý Internet:

1. Được phép kinh doanh tại địa điểm kinh doanh của đại lý Internet từ 6 giờ đến 24 giờ hàng ngày.

2. Đảm bảo các điều kiện hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 19 của quy định này.

3. Tuân thủ các quy định chung tại quy định này đồng thời chấp hành các quy định về quản lý dịch vụ Internet do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

4. Thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng đại lý ký kết với nhà cung cấp dịch vụ Internet. Cung cấp dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ theo đúng các quy định về loại hình, chất lượng và giá cước dịch vụ đã thoả thuận trong hợp đồng.

5. Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, chủ đại lý Internet hoặc người hướng dẫn phải tham gia lớp tập huấn dành cho các đại lý Internet của doanh nghiệp ký hợp đồng đại lý với mình.

6. Hướng dẫn và kiểm tra người sử dụng tuân thủ các qui định về sử dụng dịch vụ Internet; Có biện pháp đề phòng, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các khách hàng có hành vi vi phạm nội qui của đại lý hoặc qui định của pháp luật về Internet.

7. Lập sổ đăng ký sử dụng dịch vụ trong đó thống kê đầy đủ, chi tiết thông tin về người sử dụng dịch vụ và người bảo lãnh cho người dưới 14 tuổi bao gồm họ tên; địa chỉ thường trú; số chứng minh nhân dân, hộ chiếu (đối với người nước ngoài) hoặc các giấy tờ khác như thẻ nghiệp vụ, bằng lái xe, thẻ học sinh, sinh viên....., vị trí máy tính và thời gian mà người sử dụng dịch vụ đã sử dụng. Đại lý Internet phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong sổ đồng thời có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản sổ đăng ký sử dụng dịch vụ để cung cấp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

8. Thực hiện các giải pháp kỹ thuật đảm bảo ngăn chặn người sử dụng truy cập đến các trang Web có nội dung xấu trên Internet. Phần mềm quản lý đại lý Internet phải được cài đặt và sử dụng chương trình để lưu giữ thông tin về người sử dụng dịch vụ bao gồm: địa chỉ đã truy cập, thời gian truy cập, loại hình dịch vụ (email, chat, ftp, Telnet....) trong thời gian 30 ngày. Thời gian lưu giữ tính từ khi thông tin đi, đến máy chủ để phục vụ cơ quan chức năng trong công tác đảm bảo an ninh thông tin.

9. Tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ số liệu về cấu hình kỹ thuật, sơ đồ kết nối lưu lượng thông tin trong phạm vi quản lý của đại lý một cách trung thực, chi tiết cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

10. Phối hợp với cơ quan Công an và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện yêu cầu đảm bảo an toàn và an ninh thông tin.

11. Khi phát hiện người sử dụng dịch vụ cố tình vi phạm các quy định của Nhà nước về Internet hoặc vi phạm nội quy của đại lý thì tùy vào từng trường hợp vi phạm mà đại lý Internet có quyền ngừng cung cấp dịch vụ hoặc có trách nhiệm báo cho công an nơi gần nhất và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp xử lý.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET

Điều 22. Người sử dụng dịch vụ Internet có quyền:

1. Sử dụng các thiết bị truy nhập di động, hoặc tự lắp đặt hệ thống thiết bị tại địa điểm mà mình được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật, để truy nhập đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bằng phương thức kết nối trực tiếp qua kênh truyền dẫn hoặc quay số qua mạng viễn thông công cộng.

2. Được sử dụng tất cả các dịch vụ ứng dụng Internet của các OSP trong nước và nước ngoài, trừ các dịch vụ bị cấm hoặc chưa được phép sử dụng.

3. Thiết lập các loại hình tin tức điện tử đặt tại hệ thống thiết bị của mình, của ISP, OSP trong nước và nước ngoài theo quy định về quản lý các loại hình tin tức điện tử trên Internet và tự chịu trách nhiệm về các thông tin đó trước pháp luật.

4. Khiếu nại khi quyền lợi hợp pháp của mình bị vi phạm theo các quy định của pháp luật.

Điều 23. Người sử dụng dịch vụ Internet có nghĩa vụ:

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin mà mình đưa vào lưu trữ và truyền đi trên Internet.

2. Không tạo ra và cố ý lan truyền, phát tán các chương trình vi rút trên Internet.

3. Không sử dụng các công cụ phần mềm để truy nhập, sử dụng dịch vụ Internet trái phép.

4. Không đánh cắp và sử dụng mật khẩu, khóa mật mã, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân hoặc phổ biến cho người khác sử dụng.

5. Không sử dụng Internet để nhằm mục đích đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm người khác.

6. Không sử dụng các dịch vụ Internet đang bị cấm hoặc chưa được phép cung cấp, sử dụng tại Việt Nam.

7. Không đưa vào hoặc lợi dụng Internet để chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh trật tự, xâm hại đến lợi ích của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; truyền bá các thông tin, hình ảnh đồi trụy, vi phạm thuần phong, mỹ tục; xây dựng các trang web, tổ chức diễn đàn trên Internet có nội dung hướng dẫn, lôi kéo, kích động người khác thực hiện các hành vi trên.

8. Chịu trách nhiệm bảo vệ mật khẩu, khóa mật mã, thông tin riêng của mình, nội dung thông tin mà mình đưa vào lưu trữ và truyền đi trên Internet.

9. Người dưới 14 tuổi sử dụng dịch vụ tại đại lý Internet phải có người thành niên bảo lãnh và giám sát trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ tại đại lý.

10. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về Internet.

11. Khi phát hiện các trang thông tin, dịch vụ trên Internet có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây mất an ninh trật tự xã hội phải nhanh chóng thông báo cho Sở Văn hóa Thông tin tại địa phương hoặc các cơ quan chức năng gần nhất để xử lý.

12. Không được truy nhập đến các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet ở nước ngoài bằng cách quay số điện thoại quốc tế trực tiếp.

13. Không được kinh doanh lại các dịch vụ Internet.

Chương VI

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24.

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, đại lý Internet công cộng và người sử dụng Internet trên địa bàn tỉnh Bình Phước chịu sự thanh tra, kiểm tra của đoàn thanh tra liên ngành do UBND tỉnh ra quyết định thành lập. Đối với các đại lý Internet và người sử dụng Internet ở địa phương nào còn chịu sự thanh tra, kiểm tra của đội thanh tra liên ngành do UBND huyện, thị đó ra quyết định thành lập.

2. Đại lý Internet, người sử dụng Internet chịu sự kiểm tra trực tiếp từ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet về việc tuân thủ các qui định trong hợp đồng.

3. Việc xử lý các vi phạm của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, Đại lý Internet và người sử dụng dịch vụ Internet trong hoạt động, kinh doanh đại lý Internet trên địa bàn tỉnh được thanh tra chuyên ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị thực hiện theo chức năng quản lý nhà nước, mức độ vi phạm và thẩm quyền xử phạt được áp dụng theo qui định của Pháp luật.

4. Đại lý Internet, người sử dụng Internet vi phạm các qui định về quản lý Internet tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo các hình thức sau:

- a. Chịu xử phạt vi phạm hành chính.
- b. Bị ngừng cung cấp dịch vụ Internet, bị chấm dứt hợp đồng, bị cắt số điện thoại hoặc đường truyền dẫn viễn thông dùng để truy nhập Internet.
- c. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đại lý Internet).
- d. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet phải chấp hành nghiêm chỉnh nội dung quy định này.

Điều 26. Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh; đồng thời chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo dõi hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành quy định này.

Điều 27. Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định này do Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông đề nghị UBND tỉnh xem xét quyết định.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Huy Phong